

THƯ NGỎ CỦA CÁC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU, CÁC TỔ CHỨC XÃ HỘI VỀ HÔN NHÂN CÙNG GIỚI

Kính gửi: Các Đại biểu Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII.

Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 (“Dự thảo”) sẽ được thảo luận tại kỳ họp thứ sáu Quốc hội khóa XIII. Trong rất nhiều vấn đề mà các đại biểu Quốc hội sẽ thảo luận, chúng tôi đặc biệt quan tâm đến quy định về quyền kết hôn giữa hai người cùng giới tính. Mặc dù Dự thảo đã bỏ điều cấm kết hôn giữa hai người cùng giới tính, bổ sung khung pháp lý giải quyết hậu quả về tài sản của việc chung sống này, nhưng vẫn chưa thừa nhận bất cứ hình thức đăng ký sống chung nào cho các cặp đôi cùng giới tính.

Chúng tôi ghi nhận và trân trọng những điểm tiến bộ trong Dự thảo. Tuy vậy, căn cứ vào các bằng chứng khoa học và dựa trên nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử trong luật nhân quyền quốc tế mà Việt Nam đã cam kết, chúng tôi xin có những phân tích và kiến nghị sau:

1. Quan niệm xã hội về người đồng tính đã thay đổi qua nhiều thời kỳ. Từ năm 1973, Hiệp hội Tâm thần học Hoa Kỳ (APA) đã không còn xem đồng tính là bệnh hay rối loạn tâm lý, mà là một xu hướng tính dục bình thường, tự nhiên của con người.¹ Tiếp nối vào năm 1990, Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) đã chính thức loại đồng tính ra khỏi danh sách rối loạn tâm thần.² Các nhà khoa học cũng không xem đồng tính là một lựa chọn hay hành vi có thể tập nhiễm, lây lan. Tỷ lệ người đồng tính không tăng lên, mà do người đồng tính ngày càng tự tin hơn công khai. Như vậy, quan niệm về ảnh hưởng tiêu cực của đồng tính đến các vấn đề y tế hay rối loạn xã hội là không có căn cứ.
2. Tháng 3/2011, 85 nước và vùng lãnh thổ đã cùng ký vào bản Tuyên bố chung về việc chấm dứt các hành động bạo lực và vi phạm nhân quyền dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới. Tháng 6/2011, một bản Nghị quyết (Resolution 17/19) đề cập đến bạo lực với người đồng tính, song tính và chuyển giới (“LGBT”) đã được thông qua tại Phiên họp thứ 17 của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc. Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc Ban Ki-moon nhấn mạnh “không thể dùng văn hóa, truyền thống để chống lại quyền con người”³ vì người đồng tính cũng hưởng mọi quyền con người, trong đó có quyền tạo lập gia đình và quyền mưu cầu hạnh phúc.
3. Chúng tôi cho rằng cùng với phong trào vận động quyền của các nhóm người yếu thế như phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật... thì bảo vệ quyền của người đồng tính đã trở thành một xu thế tiến bộ toàn cầu. Đồng tính không phải là sản phẩm của phương Tây hay phương Đông, đó là hiện thực của loài người. Quyền kết hôn, dù không phải là quyền duy nhất, nhưng lại mang tính đặc thù nhất và được quan tâm nhất. Vì bản chất của đồng tính là việc hai người cùng giới yêu nhau, nên từ đó phát sinh nhu cầu chung sống và được pháp luật thừa nhận, bảo vệ việc chung sống đó. Tính tới ngày 1/10/2013 đã có tới 16 nước và 17 vùng lãnh thổ hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới; cùng hơn 32 quốc gia vùng lãnh thổ thừa nhận các hình thức chung sống có đăng ký giữa hai người cùng giới.⁴
4. Tại những quốc gia chỉ hợp pháp hóa việc chung sống có đăng ký, mặc dù tên gọi văn bản chứng nhận khác nhau, nhưng quyền, nghĩa vụ dành cho cặp cùng giới về cơ bản là hoàn toàn giống như quyền, nghĩa vụ dành cho cặp khác giới.⁵ Nói cách khác, tại 65 quốc gia và vùng lãnh thổ, người đồng tính ở đó được pháp luật bảo vệ các quyền trong quan hệ chung sống của mình. Đây là con số không hề nhỏ.

5. Còn tại những quốc gia đã hợp pháp hóa hôn nhân cùng giới, pháp luật bỏ điều kiện về giới tính của hai bên phối ngẫu (vợ/chồng), trung tính hóa các thuật ngữ, ban hành một luật hôn bình đẳng cho tất cả mọi người.⁶ “Lộ trình hai bước” này (chung sống có đăng ký trước, hôn nhân bình đẳng sau) xuất phát từ lý do (i) các nhà lập pháp muốn tránh xung đột với các niềm tin tôn giáo và văn hóa, và (ii) “tập dượt” cho xã hội trở nên cởi mở hơn với các cặp cùng giới.
6. Các thay đổi trong việc bảo vệ quyền của người đồng tính có cơ sở từ nhiều nghiên cứu khoa học được tiến hành bởi các viện nghiên cứu, trường đại học. Giới khoa học đã chỉ ra rằng những lo ngại về hôn nhân cùng giới là không có cơ sở. Hôn nhân cùng giới không làm suy giảm dân số⁷, không làm xói mòn giá trị của hôn nhân khác giới,⁸ không gây ảnh hưởng xấu tới con trẻ được nuôi trong các gia đình có phụ huynh là người đồng tính.⁹
7. Tỷ lệ người đồng tính là khoảng 3-5% dân số. Nếu dùng mức thấp 3% thì số người đồng tính trong độ tuổi trưởng thành của Việt Nam là khoảng 1,65 triệu người.¹⁰ Con số này tương ứng với hàng vạn cặp đôi đang có nhu cầu chung sống với nhau,¹¹ và nhu cầu xây dựng một mối quan hệ ổn định và lâu dài.¹² Việc không thừa nhận những mối quan hệ này khiến các cặp cùng giới không thể đại diện cho nhau trong các giao dịch, đặc biệt khi một bên bị tai nạn cần phẫu thuật, không có các quyền và nghĩa vụ về tài sản chung¹³, các phúc lợi xã hội do hôn nhân mang lại, quyền thừa kế theo pháp luật, không hình thành quyền và nghĩa vụ giữa hai người với đứa con chung.¹⁴
8. Theo các khảo sát tại Việt Nam, 72% các cặp cùng giới sống chung cho rằng khó khăn của họ đến từ việc không được pháp luật thừa nhận.¹⁵ 71% mong muốn được pháp luật cho phép kết hôn, 25% muốn được sống chung có đăng ký và chỉ có 4% muốn được sống chung không đăng ký.¹⁶ Ngoài ra cha mẹ của người đồng tính còn được giải tỏa tâm lý, giảm áp lực trong quan hệ giữa cha mẹ và con cái,¹⁷ tránh được những hậu quả đáng tiếc như việc người đồng tính bị bạo hành, hay các vấn đề sức khỏe tâm trí của cha mẹ. Đây là tham khảo hữu ích cho các nhà làm luật trong bối cảnh của việc xem xét sửa lại luật hôn nhân gia đình hiện nay.
9. Việc chưa nước châu Á nào thừa nhận quan hệ hôn nhân cùng giới không phải là cơ sở để Việt Nam cũng phải như vậy. Quyền con người có tính phổ quát, không thể nói người đồng tính châu Âu hay châu Mỹ thì có quyền mưu cầu hạnh phúc và được pháp luật bảo vệ, còn người đồng tính châu Á hay Việt Nam thì không. Hơn nữa, hiện nay Thái Lan, Nê-Pan, và Đài Loan đang xem xét và đều hứa hẹn nhiều khả năng về việc thừa nhận quan hệ hôn nhân cùng giới. Thực tế chưa có nước nào sau khi thừa nhận hôn nhân cùng giới rồi lại hối hận mà phải quay trở lại.
10. Nghiên cứu tại Việt Nam cũng cho thấy, 77% số người được hỏi cho rằng cần bảo vệ quyền của người đồng tính¹⁸. Điều này cho thấy thái độ của người dân Việt Nam khá cởi mở với người đồng tính. Khi khảo sát về thái độ với hôn nhân cùng giới, đáng chú ý là những người biết về việc nhà nước đang sửa đổi Luật có xu hướng ủng hộ hôn nhân cùng giới hơn những người không biết về việc sửa luật này (43,5% người biết về việc sửa luật thì ủng hộ hôn nhân cùng giới, trong khi tỷ lệ ủng hộ ở những người không biết về việc sửa luật là 27,3%).¹⁹ Điều này thể hiện những động thái và tiến bộ của nhà nước sẽ tác động rất mạnh mẽ đến nhận thức của người dân. Nó cũng đã xảy ra ở các nước khác, ví dụ như Canada khi thừa nhận hôn nhân cùng giới năm 2005 chỉ có 36% ủng hộ, đến năm 2013 đã có gần 80% số người được hỏi ủng hộ.
11. Bộ trưởng Bộ Tư pháp Hà Hùng Cường từng phát biểu: “Nhà nước nên có cơ chế pháp lý để bảo vệ những lợi ích chính đáng về nhân thân, tài sản hoặc con (nếu có) giữa những người cùng giới tính có quan hệ sống chung với nhau.”²⁰ Tuy vậy theo như những quy định trong bản Dự thảo, thì

sẽ không giải quyết được vấn đề thực tiễn. Dù luật có bổ sung các điều khoản giải quyết hậu quả pháp lý thì cũng không khác với các quy định hiện hành: quan hệ nhân thân, thừa kế, đại diện vẫn không được thừa nhận.

12. Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật, Phan Trung Lý, nhận định về Dự thảo: “*Đây là thực tế xã hội, nhiều nước đã thừa nhận, và nó là quyền con người. Theo tôi là chúng ta nên công nhận, chứ không chỉ nói là không thừa nhận. Luật pháp phải rõ ràng, không nên quy định nửa chừng như vậy.*”²¹ Không công nhận quan hệ hôn nhân cùng giới còn làm tăng kỳ thị và bất bình đẳng với người đồng tính, vì bản thân luật còn phân biệt đối xử thì không thể trông mong người dân đối xử bình đẳng với người đồng tính được.

Dựa trên tất cả những thông tin, nhận định và phân tích thực tiễn Việt Nam cũng như thế giới nêu trên, chúng tôi, những tổ chức nghiên cứu và làm về phát triển xã hội, kiến nghị và đề xuất:

- **Hôn nhân bình đẳng** cho tất cả mọi người, cần được xem là giải pháp duy nhất để bảo vệ đầy đủ, triệt để quyền của những cặp cùng giới và gia đình họ trong mỗi quan hệ sống chung. Và giải pháp này cần được hiện thực hóa bằng những nỗ lực tốt nhất có thể, trước hết từ phía Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của Việt Nam.
- Trong trường hợp còn nhiều tranh cãi, Việt Nam nên công nhận hình thức **chung sống có đăng ký** được áp dụng chung cho mọi cặp đôi không phân biệt giới tính. Theo đó, các cặp đôi cùng giới sẽ được hưởng tất cả những quyền cơ bản như cặp đôi khác giới có đăng ký kết hôn. Chúng tôi cho rằng kỹ thuật lập pháp này sẽ tránh được những phản đối trực tiếp của những người nặng tư tưởng truyền thống, tạo sự chuyển tiếp thích đáng cho nhận thức xã hội, mặt khác vẫn đảm bảo quyền và sự công bằng cho người đồng tính và gia đình họ.
- Ngoài ra nhưng không kém quan trọng, cần trung tính hóa toàn bộ các thuật ngữ mang tính tiềm ẩn phân biệt về giới như “vợ, chồng, nam, nữ” trong Dự thảo thành những thuật ngữ trung tính như “phối ngẫu, mọi người” để đạt được nhiều mục đích như lồng ghép giới, giải tỏa những vướng mắc trong việc công nhận quan hệ cùng giới và tránh những khó khăn không cần thiết cho các thủ tục và giấy tờ hành chính sau này. Đây cũng là kinh nghiệm mà các nước hợp pháp hóa hôn nhân bình đẳng hay kết hợp dân sự đã từng áp dụng.

Thuật ngữ tiềm ẩn phân biệt về giới trong Dự thảo	Thuật ngữ trung tính được kiến nghị
Một vợ, một chồng	Đơn hôn
Vợ chồng	Phối ngẫu
Vợ và chồng	Hai phối ngẫu
Vợ, chồng	(Mỗi) phối ngẫu
Đang có vợ, có chồng	Đã kết hôn
Lấy vợ, lấy chồng (Trong quy định về tảo hôn)	Chung sống thực tế
Chung sống như vợ chồng	Chung sống thực tế
Nam và nữ	Hai người

KIẾN NGHỊ CỤ THỂ

Dựa trên Dự thảo, chúng tôi kiến nghị những điểm cụ thể như phân bên dưới:

DỰ THẢO LUẬT	KIẾN NGHỊ
Khoản 6, Điều 1 Dự thảo, sửa đổi Điều 8. Giải thích từ ngữ	
5. Chung sống như vợ chồng là việc <i>nam, nữ</i> thỏa thuận tổ chức cuộc sống chung và tự coi nhau là vợ chồng.	5. Chung sống <i>thực tế</i> là việc <i>hai người</i> thỏa thuận tổ chức cuộc sống chung và tự coi nhau là <i>phối ngẫu</i> ;
	<i>5a. Chung sống có đăng ký</i> là việc <i>hai người</i> xác lập quan hệ chung sống có đăng ký theo quy định của pháp luật;
Khoản 6, Điều 1 Dự thảo, Bổ sung Điều 17d	
Điều 17d. Giải quyết hậu quả của việc chung sống giữa những người cùng giới tính 1. Nhà nước không thừa nhận quan hệ hôn nhân giữa những người cùng giới tính. 2. Quan hệ chung sống như vợ chồng giữa những người cùng giới tính được giải quyết như sau: a) Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng được giải quyết theo quy định tại Điều 17c của Luật này; b) Người sinh con là mẹ của đứa trẻ; người nhận con nuôi là mẹ nuôi hoặc cha nuôi của đứa trẻ. Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con được thực hiện theo quy định của Luật này.”	Không còn cần thiết do đã trung tính hóa điều khoản về chung sống thực tế.
	Điều 17e. Quyền, nghĩa vụ giữa các bên chung sống có đăng ký <i>Quyền, nghĩa vụ giữa các bên chung sống có đăng ký được xác định theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.</i>

Đồng thời để thống nhất hóa hệ thống pháp luật, cũng như tạo cơ sở pháp lý cho Dự thảo, chúng tôi cũng kiến nghị cho Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992 ở Điều 34, điều duy nhất trong Hiến pháp sử dụng thuật ngữ mang tính tiềm ẩn phân biệt về giới.

Điều 39 (sửa đổi, bổ sung Điều 64)	1. Nam, nữ có quyền kết hôn và ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ, một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.	1. Mọi người có quyền kết hôn và ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, đơn hôn , bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.”
--	--	---

Chúng tôi, dưới đây là những tổ chức đồng ý với những nội dung trong thư ngỏ này, và thể hiện sẽ nỗ lực nhằm quyền bình đẳng cho tất cả mọi người sẽ được thực thi.

(danh sách các tổ chức gồm tên người đứng đầu, tên tổ chức, địa chỉ tổ chức theo vần ABC)

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

¹ American Psychiatry Association, *LGBT-Sexual Orientation*, bản tiếng Anh truy cập ngày 1/10/2013 tại <http://www.psychiatry.org/lgbt-sexual-orientation>

² International Lesbian, Gay, Bisexual, Trans And Intersex Association, *May 17th is the Intl Day Against Homophobia*, bản tiếng Anh truy cập ngày 1/10/2013 tại <http://ilga.org/ilga/en/article/546>

³ UN News Centre, *Religion and culture cannot justify discrimination against gays and lesbians, Ban warns*, bản tiếng Anh truy cập ngày 1/10/2013 tại <http://www.un.org/apps/news/story.asp?NewsID=44660#.UkxpUVNrZ3U>

⁴ Thống kê các quốc gia và vùng lãnh thổ hợp pháp hóa các hình thức chung sống hai người cùng giới. (Tính tới 1/10/2013)

	Số quốc gia công nhận	Số vùng lãnh thổ công nhận	Tổng số quốc gia và vùng lãnh thổ
Hôn nhân bình đẳng	16 (Hà Lan, Bỉ, Argentina, Tây Ban Nha, Canada, Nam Phi, Na Uy, Thụy Điển, Bồ Đào Nha, Iceland, Đan Mạch, Uruguay, New Zealand, Pháp, Anh Quốc, Brazil)	17 (<i>Mexico</i> : 2 bang; <i>Hoa Kỳ</i> : 15 bang)	33
Chung sống có đăng ký	17 (Andorra, Áo, Colombia, Cộng hòa Séc, Ecuador, Phần Lan, Đức, Greenland, Hungary, Ireland, Isle of Man, Jersey, Liechtenstein, Luxembourg, Slovenia, Thụy Sĩ, Anh Quốc)	15 (<i>Úc</i> : 5 bang; <i>Mexico</i> : 2 bang; <i>Hoa Kỳ</i> : 7 bang; <i>Venezuela</i> : 1 bang)	32
Chung sống không đăng ký	3 (Úc, Croatia, Irsael)	Không có số liệu.	
Tổng	36	32	--

⁵ Bộ luật Kết đôi Dân sự 2004 của Vương quốc Anh quy định những quyền và nghĩa vụ của hai cặp cùng giới trong Kết đôi Dân sự là hoàn toàn giống với hôn nhân của của hai cặp khác giới. Hoặc như Bộ luật Gia đình của bang California (Hoa Kỳ) có một hình thức kết đôi dành riêng cho người đồng tính có tên gọi là “quan hệ gia đình có đăng ký.” Bộ luật Gia đình của bang tại đoạn 297.5(a) quy định rằng “các bên trong quan hệ gia đình có đăng ký có đầy đủ các quyền, sự bảo hộ, quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ và bổn phận giống như các quy định dưới luật này.”

⁶ Ví dụ như Thụy Điển ghi trong luật hôn nhân của mình là “luật này áp dụng cho tất cả mọi người.”

⁷ Hình thức kết hợp dân sự (civil union) giữa các cặp đồng tính lần đầu tiên được công nhận ở Đan Mạch năm 1989. Trong khi đó hôn nhân cùng giới được công nhận lần đầu tiên trên thế giới sau đó 12 năm, vào năm 2001 tại Hà Lan. Theo số liệu thống kê chính thức, đến cuối năm 2009 có khoảng 100.000 cặp đồng tính đăng ký kết hôn trên toàn thế giới. Tại các nước châu Âu, số đăng ký kết hôn đồng giới chiếm khoảng 2-3% và ổn định trong tổng số đăng ký kết hôn gần 10 năm qua. Tỷ lệ ly hôn nói chung ở các nước Châu Âu trong khoảng thời gian 2000 – 2010 không thay đổi. Ở các nước Bắc Âu, kể từ khi thông qua luật công nhận kết hợp dân sự của các cặp đồng tính từ năm 1989 cho đến cho phép đăng ký kết hôn, tỷ lệ ly hôn nói chung khá ổn định, thậm chí còn giảm ở Đan Mạch. Như vậy số lượng người đồng tính và tỷ lệ kết hôn của họ chỉ chiếm một phần nhỏ so với tổng dân số và số lượng kết hôn khác giới. Cho đến nay, sự thừa nhận pháp luật đối với các hình thức sống chung của người đồng tính không gây ra tác động gì nhiều đến đặc điểm nhân khẩu học nói chung ở các vùng lãnh thổ và quốc gia. Tại Đan Mạch, tổng tỷ suất sinh giảm mạnh trong khoảng thời gian 1970-1980 nhưng lại tăng và giữ ổn định suốt từ năm 1980 đến nay. Như vậy, sau 23 năm thừa nhận kết đôi dân sự của người đồng tính và các quyền lợi của họ, dân số Đan Mạch vẫn giữ ở mức ổn định. Tương tự như vậy, tại Hà Lan, tổng tỷ suất sinh cũng bắt đầu giảm từ những năm 1970 và giữ ổn định đến nay. Việc giảm tổng tỷ suất sinh là xu hướng chung của nhiều lục địa và quốc gia trên thế giới khi kinh tế xã hội phát

triển. Việt Nam cũng không nằm ngoài xu hướng này. Tuy nhiên, số lượng dân số ở tất cả các quốc gia vẫn liên tục tăng.

⁸ Các số liệu nhân khẩu học về xu hướng giảm tỷ lệ kết hôn ở các nước Châu Âu cũng không chỉ ra có mối liên quan nào tới sự công nhận của luật pháp về hình thức chung sống có đăng ký của người đồng tính. Bên cạnh đó hôn nhân bình đẳng cũng mang lại những tác động tích cực cho thể chế hôn nhân truyền thống giữa nam và nữ nói chung. Hôn nhân cùng giới có tính bình đẳng tương đối cao vì hai người ít có sự phân công lao động hay trách nhiệm theo giới. Mặc dù chưa có nghiên cứu chứng minh tác động này, nhưng có thể coi đây là một yếu tố giúp thúc đẩy sự bình đẳng giới trong hôn nhân truyền thống. Nghiên cứu tiến cứu trong 3 năm ở Vermont, Mỹ về chất lượng cuộc sống lứa đôi của các cặp đồng tính sống chung có đăng ký và các cặp kết hôn truyền thống ở cho thấy các cặp đồng tính sống chung có đăng ký có mối quan hệ hài hòa hơn, gần gũi nhau hơn và ít xảy ra xung đột hơn so với các cặp kết hôn giữa nam và nữ (Balsam và cộng sự 2008). Điều tra tiến cứu trên quần thể người đồng tính ở Massachusetts suốt 12 tháng kể từ khi bang này thông qua luật cho phép kết hôn đồng giới đã chỉ ra xu hướng giảm một cách có ý nghĩa thống kê số lượng lượt khám bệnh nói chung (trong khi không giảm các xét nghiệm định kỳ), khám tâm thần và do đó giảm đáng kể các chi phí chăm sóc sức khỏe (Hatzenbuehler và cộng sự 2010). Điều quan trọng là sự thay đổi này không chỉ diễn ra ở các cặp đăng ký sống chung mà còn cho cả cộng đồng những người đồng tính nói chung vì vấn đề kết hôn hoặc không kết hôn lúc này trở thành sự lựa chọn cá nhân, chứ không liên quan đến quyền được kết hôn hay không. Như vậy, các qui định luật pháp về hôn nhân còn có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe cộng đồng (King và Bartlett (2006). và chi phí hiệu quả đối với các vấn đề liên quan phúc lợi xã hội (Portelli, 2004).

⁹ Trước khi thừa nhận hôn nhân bình đẳng, rất nhiều nước đã tiến hành các nghiên cứu so sánh kết quả phát triển của trẻ em trong các gia đình hôn nhân truyền thống và các kiểu hình gia đình khác. Hội Nhi khoa Hoa Kỳ (The American Academy of Pediatrics) (2002), Hội Y học Sinh sản Hoa Kỳ (The American Society for Reproductive Medicine) (2006) đã kết luận không có bằng chứng nào chỉ ra bất kỳ nguy cơ cho sự phát triển của trẻ khi trẻ được nuôi dưỡng trong các gia đình đồng tính. Thực tế, hầu hết các nghiên cứu về gia đình trong vòng 40 năm gần đây ở các nước và vùng lãnh thổ thừa nhận một trong các hình thức chung sống của người đồng tính đều chỉ ra sự phát triển và hạnh phúc của trẻ lại phụ thuộc rất nhiều vào mối quan hệ giữa trẻ và người lớn, sự cởi mở, trao đổi giữa những người trong gia đình và trẻ, sức khỏe tâm trí, sự hòa hợp và hợp tác của những người lớn trong gia đình mà không phụ thuộc vào cấu trúc gia đình bố mẹ khác giới hay cùng giới, hay bố mẹ độc thân (Millbank 2003; Tasker 2005; Fitzgerald 1999; Flood 2003; Chan và cộng sự 1998; Lipman và cộng sự 2002). Một số nghiên cứu còn chỉ ra những đứa con do đồng tính nữ sinh ra và được nuôi dưỡng trong gia đình đồng tính nữ thậm chí có một số khả năng vượt trội hơn trẻ em trong các gia đình hôn nhân truyền thống (Goldberg 2010). Trong khi nghiên cứu về khả năng nuôi dạy con của các cặp đồng tính nam cho thấy sự vượt trội hơn các ông bố dị tính khi họ có cả các khả năng chăm sóc trẻ giống như người mẹ (Hicks 2006).

¹⁰ Chưa có cuộc điều tra nào ước lượng số người đồng tính và song tính ở Việt Nam. Trên thế giới đã có nhiều nghiên cứu đưa ra các con số khác nhau, biến động từ 1% đến 9% người ở độ tuổi sinh hoạt tình dục tự nhận là người đồng tính và song tính. Điều tra quốc gia về phát triển gia đình ở Hoa Kỳ năm 2002 cho kết quả 4,1% nam giới và 4,1% nữ giới tự nhận mình là người đồng tính và song tính. Điều tra quốc gia ở Pháp năm 1991 cho kết quả có 10,7% nam giới và 3,3% phụ nữ có hành vi tình dục đồng giới và 8,5% nam giới và 11,7% phụ nữ thừa nhận có hấp dẫn tình dục đồng giới nhưng không có hành vi quan hệ tình dục đồng giới. Như vậy, nếu lấy tỉ lệ trung bình, “an toàn” mà nhiều nhà khoa học thừa nhận là 3% thì số người đồng tính và song tính tạm tính ở Việt Nam trong độ tuổi từ 15 đến 59 vào khoảng 1,65 triệu người.

¹¹ Trong số gần 3000 người đồng tính tham gia một khảo sát của Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường ở Việt Nam, hơn 11% những người hiện đang trong mối quan hệ cùng giới đang sống chung với nhau tại nhà của một trong hai người hoặc cùng mua hay thuê nhà để sống. Một số ít hơn (5.6%) hiện sống cùng với gia đình của họ hoặc người cùng chung sống. Những cặp đôi cùng giới đang chung sống đều ở độ tuổi có điều kiện để có thể ở chung, hoặc có tài chính ổn định, hoặc sống xa gia đình và ở trọ riêng một mình.

¹² Kết quả phỏng vấn sâu với 20 người cho thấy, tất cả người đồng tính nam, nữ có cuộc sống chung với người đồng giới đều có quan niệm rất rõ ràng về sự gắn bó lâu dài và đều thể hiện mong muốn giữ gìn mối quan hệ lâu dài này. Trong đó, tình yêu là điều kiện và là nền tảng cho mối quan hệ. Và để cuộc sống chung giữa hai cá nhân luôn được hạnh phúc, hầu hết đều có quan điểm rất rằng đó là sự chia sẻ, nhường nhịn và tự thay đổi để bản thân mình hòa hợp trong cuộc sống chung. Đặc biệt sự hòa hợp và gắn bó được đề cao khi mối quan hệ lâu dài được cho là khó tìm và khó giữ do những áp lực từ xã hội dị tính, không có sự ràng buộc hay ủng hộ từ bạn bè, gia đình

¹³ Theo kết quả khảo sát của Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường ở Việt Nam, các cặp đôi chung sống cùng giới có xu hướng sở hữu chung các tài sản có giá trị lớn như ô tô, sổ tiết kiệm hoặc vàng (28%), tiếp theo là các hình thức cùng góp vốn và đứng tên kinh doanh chung (18.4%), hay cùng sở hữu nhà đất (15.8%).

¹⁴ Khảo sát của Viện nghiên cứu Xã hội, Kinh tế và Môi trường ở Việt Nam, về mong muốn có con trong nhóm người trả lời thuộc độ tuổi kết hôn và hiện đang trong một mối quan hệ cùng giới cho thấy: 61% cho biết họ mong muốn có con trong tương lai, 9% cho biết họ không muốn có con, và 30% còn lại chưa nghĩ hoặc chưa tính đến việc này (N=173 người). Khoảng 1/5 số người tham gia phỏng vấn sâu có ý định có con đẻ của mình. Cũng có những cặp lại muốn nuôi con nuôi (nhận trẻ mồ côi) vì quan niệm cuộc sống có ích cho cộng đồng chứ không phải do họ không thể sinh đẻ.

¹⁵ Phân tích số liệu định lượng cho thấy các cặp đôi cùng giới nhận thấy đa phần các khó khăn của họ đến từ việc không được pháp luật công nhận và bảo hộ (72%), do không được sự công nhận của xã hội và cộng đồng (68.7%), hay gia đình không chấp nhận (66.2%). Bên cạnh đó, theo họ, việc không có sự ràng buộc về mặt pháp luật cũng khiến mối quan hệ của họ khó bền vững (51.2%), hoặc không có sự tư vấn, khuyên bảo hay hỗ trợ khi gặp các mâu thuẫn trong tình cảm cũng khiến quan hệ của họ kém bền vững hơn (51.3%).

¹⁶ Điều tra năm 2012 do Trung tâm ICS thực hiện với hơn hai nghìn người đồng tính nam và đồng tính nữ tham gia.

¹⁷ Có đến 57.3% người trả lời trong điều tra trực tuyến cho biết hiện mối quan hệ cùng giới của họ không được cha mẹ chấp nhận, 46.3% cho biết tình cảm đó không được sự chấp nhận của họ hàng, thậm chí có đến 16.8% đã từng bị gia đình và họ hàng đe dọa nhằm chấm dứt mối quan hệ đó. Điều này cũng lý giải cho nhu cầu thiết tha của cộng đồng LGBT và những nỗ lực của họ trong việc đạt được sự thừa nhận và cho phép của các gia đình đối với việc kết đôi và sống chung. Có đến hơn 80% cho biết họ mong muốn được cha mẹ chấp nhận, 63% cho biết họ muốn được họ hàng chấp nhận, để có thể làm tròn nghĩa vụ và bổn phận báo hiếu với gia đình (64%).

¹⁸ Trong năm 2011 và 2012, những cuộc khảo sát và phỏng vấn sâu đã được Viện nghiên cứu Xã hội Kinh tế và Môi trường tiến hành tại Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, An Giang và Hà Nam với 854 phiếu hỏi.

¹⁹ Kết quả điều tra quốc gia về thái độ xã hội đối với hôn nhân cùng giới do Viện Xã hội học, Viện Chiến lược Chính sách Y tế và Viện nghiên cứu Xã hội Kinh tế và Môi trường tiến hành tháng 6/2013 trên 8 tỉnh thành phố: Hà Nội, Quảng Ninh, Nghệ An, Đà Nẵng, Đắk Lak, Hồ Chí Minh, An Giang, Sóc Trăng, với cỡ mẫu hơn 5000 người trả lời.

Có 43,5% người biết về việc sửa luật thì ủng hộ hôn nhân cùng giới, trong khi tỷ lệ ủng hộ ở những người không biết về việc sửa luật là 27,3%. 33,9% người biết về việc sửa luật ủng hộ đăng ký kết hôn bình đẳng, trong khi tỷ lệ này ở những người không biết về việc sửa luật là 22,8%. Tương tự, với quan điểm phản đối hôn nhân cùng giới, tỷ lệ phản đối ở những người không biết về việc sửa luật cũng cao hơn. 40% người biết về việc sửa luật cho rằng không nên công nhận quyền chung sống của các cặp đôi cùng giới, trong khi tỷ lệ này ở những người không biết việc sửa luật là hơn 50%.

²⁰ Trường Phong, *Đang nghiên cứu về hôn nhân đồng tính*, Tiền Phong, 24/07/2013, xem tại: <http://www.tienphong.vn/xa-hoi/585854/Dang-nghien-cuu-ve-hon-nhan-dong-tinh-tpov.html>

²¹ Lê Kiên, *Không nên nừa vơi về hôn nhân đồng tính?*, Tuổi Trẻ, 10/09/2013, xem tại: <http://tuoitre.vn/chinh-tri-xa-hoi/568283/khong-nen-nua-voi-ve-hon-nhan-dong-tinh.html>